

ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH QUA CÁC THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ CỦA NGƯỜI VIỆT

VIETNAMESE FAMILIAL BEHAVIOR IN IDIOMS AND PROVERBS

TRẦN THỊ PHƯỢNG

(NCS, ĐHKHXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract

This paper analyses 355 Vietnamese idioms and proverbs describing basic familial behavior in Viet Nam. Vietnamese people usually pay the most attention to reflection, advice and recommendation in relation between parents – children behavior, wife – husband, siblings and others. In family, the most praised and highly appreciated emotions are harmony, compassion and help among members. Negative behaviors are often contradiction, envy, struggle, or hurting each other... Among all analysed idiom and proverbs there are 180 units of idioms and proverbs (51%), in which the folk implies lessons, advice, behavior standards that people should direct towards. The discussion in this paper aims at partly showing Vietnamese's behavioral culture through one part of their implies idioms and proverbs.

1. Cách ứng xử giữa người và người nói chung, giữa người với người trong gia đình nói riêng là một chủ đề thường được phản ánh trong thành ngữ, tục ngữ của nhiều ngôn ngữ. Bài viết này hướng tới việc phân tích thái độ ứng xử trong gia đình biểu thị trong các thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt.

Ứng xử của con người bao gồm tất cả những hành xử, suy nghĩ, thái độ của con người đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và với chính bản thân con người thông qua những mối quan hệ cụ thể. Cách ứng xử của người Việt được xem xét ở bài viết này nằm trong phạm vi gia đình.

Do gia đình và quan hệ thân tộc của người Việt khá phức tạp nên trong bài viết này chỉ xin đề cập đến ứng xử trong gia đình hạt nhân và một phần gia đình mở rộng của

người Việt; cụ thể là các mối quan hệ: vợ - chồng; cha mẹ - con cái; anh chị - em; quan hệ với chú bác, cậu mợ, cô dì.

Ngữ liệu trong bài được thu thập trong “Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt” 728 trang của nhóm tác giả Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành; “Kho tàng tục ngữ người Việt” của nhóm tác giả Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), Nguyễn Thúy Loan, Phan Lan Hương, Nguyễn Luân với 8194 câu. Đây là hai nguồn tư liệu tương đối đầy đủ và phong phú. Tuy nhiên, trong các nguồn ngữ liệu này, có những câu không hẳn là tục ngữ, thành ngữ nhưng vì tôn trọng thực tế thu thập của các tác giả nên chúng tôi chấp nhận, không bình luận, loại trừ.

2. Những cách ứng xử trong gia đình qua thành ngữ, tục ngữ

2.1. Ứng xử trong quan hệ vợ - chồng

Qua thống kê, chúng tôi thấy có 49 đơn vị thành ngữ, tục ngữ trong tổng số 93 đơn vị nói về ứng xử trong quan hệ vợ - chồng (gần 53%) biểu hiện những quan hệ ứng xử tiêu cực, đáng chê trách.

Trước hết, đó là hành vi phụ bạc, không tình nghĩa được thể hiện trong 14 câu (gần 30%, số lượng nhiều nhất trong các ứng xử tiêu cực). Trong đó, hành vi ngoại tình, không chung thủy được dân gian “ưu tiên” chê bai nhiều hơn cả. Hành vi này có thể được thực hiện bởi cả hai đối tượng vợ và chồng (4 câu): Vd. “*Chồng ăn chả, vợ ăn nem*”; hay bởi chồng đối với vợ (2 câu): Vd. “*Giàu đôi bạn, sang đôi vợ*”. Tuy nhiên, số liệu thống kê cho thấy, có những 6 câu đề cập đến việc người vợ thực hiện hành vi này: Vd. “*Ngồi buồn rút ruột thở dài, nhớ chồng thì ít nhớ trai thì nhiều*”; “*Chồng chết chưa héo cỏ đã bỏ đi lấy chồng*”.

Thái độ coi thường giữa vợ - chồng trước hết thể hiện trong hành vi chê bai lẫn nhau. Bởi vậy, dân gian đưa ra những cảnh báo: “*Trai chê vợ mất của tay không, gái chê chồng một đồng trả bốn*”. Đối với người đàn ông, thái độ coi thường vợ được đẩy lên đến mức quyết liệt hơn: Vd. “*Coi vợ già như chó nằm nhà gác*”.

Người Việt luôn coi trọng ứng xử chừng mực, bởi vậy thái độ không biết điều, không chừng mực giữa vợ - chồng là một trong những điều đáng bị chê trách (6 câu). Vợ chồng không biết nhìn nhau để cư xử, dẫn đến mạnh ai người ấy làm mà chủ yếu là những việc không tốt: Vd. “*Chồng đánh bạc, vợ đánh bài*”. Chồng không chừng mực trong cách tôn trọng vợ: “*Nhất vợ nhì giới*” (đề cao vợ quá mức - một ứng xử lệch chuẩn). Ngược lại, vợ lợi dụng tình yêu thương hay sự hiền lành của chồng để cư xử quá đà: Vd. “*Chồng yêu xỏ chân lỗ mũi*”;

đồng đánh, những nhẽo quá mức: “*Chồng rầy thì lơ cho, chồng chờ thì lỏng lỏng*”. Cách ứng xử không khéo léo của vợ trong trường hợp bị chồng hành hung sẽ khiến người ngoài chê cười: “*Chồng đánh chồng mắng ra ngõ mà gào*”.

Những xích mích trong cuộc sống vợ chồng là chuyện thường tình ở đời. Từ bất hòa, mâu thuẫn: “*Muối chẳng ưa, dưa chẳng lành*”, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Vậy nên dân gian mới khuyên: “*Vợ chồng chớ cãi nhau hoài, sao cho trong ấm thì ngoài mới êm*”. Mâu thuẫn vợ chồng có khi được giải quyết bằng bạo lực: “*Thượng cẳng chân, hạ cẳng tay*”, thậm chí là hành động độc ác: “*Gái giết chồng, đàn ông ai giết vợ*” hay rời bỏ nhau khiến gia đình tan vỡ: “*Com chẳng lành, canh chẳng ngọt, chín đụn mười con cũng lìa*”.

Trong ứng xử vợ - chồng, đôi khi tồn tại thực tế chồng hay vợ có thái độ nạt nộ người kia. Tuy nhiên, nếu thái độ của người vợ chủ yếu dừng ở việc “bắt nạt” chồng: “*Làm gì những thói đưa đong, gái bắt nạt chồng em chẳng có ngoan*” thì ở người chồng, mức độ tiêu cực được đẩy lên cao hơn. Người chồng bên ngoài làm việc xấu xa nhưng về nhà lại lên mặt, hoành hợ vợ con: “*Đi cúi mặt xuống đất, về cất mặt lên trời*”; hay luôn đặt điều nạt nộ, áp bức vợ như trong sự đánh giá của dân gian: “*Quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa*”.

Một số hành vi tiêu cực khác nhưng chủ yếu của người vợ với chồng (10 câu): vợ không thật thà với chồng: “*Chồng ra khỏi cửa nôi ba, chồng ở nhà niêu mót*”; giận chồng nhưng lại trút sang con cái: “*Giận chồng mắng con*”; vợ lợi dụng chồng: Vd. “*Lấy chồng ăn những của chồng, ăn hết con mắt khoét lòng con người*”; phá hoại thành quả của chồng: “*Chồng vo tròn, vợ bóp bẹp*”.

Từ việc chê trách những ứng xử tiêu cực giữa vợ - chồng, dân gian gửi gắm thái độ ngợi ca đối với những biểu hiện của ứng xử tích cực như sau:

Ứng xử hòa thuận giữa vợ chồng được phản ánh trong 12 câu, và được coi là yếu tố tạo ra sức mạnh vượt khó khăn trong cuộc sống: Vd. *“Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn”*. Tuy nhiên, người vợ có vai trò lớn, quan trọng trong việc xây dựng và gìn giữ sự hòa thuận trong gia đình mà trước hết thể hiện bằng việc ứng xử linh hoạt, lựa theo trạng huống của chồng (8 câu). Chồng giận thì vợ phải *bớt lời, làm lành*: Vd. *“Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê”*; *“Chồng tới vợ phải lui”*. Dân gian luôn đánh giá cao những người vợ ứng xử khéo léo để tránh khỏi hành vi bạo lực của chồng: *“Trai khôn tránh khỏi đòn quan, gái khôn tránh khỏi đòn chồng”*.

Thủy chung, son sắt là ứng xử được dân gian đặt ra cho cả vợ và chồng: Vd. *“Đôi no một vợ một chồng”*. Tuy nhiên, ứng xử này chủ yếu được đề cập từ phía vợ đối với chồng (6 câu). Vợ chấp nhận mọi khiếm khuyết, hạn chế của chồng mình: Vd. *“Ngu si cũng thể chồng ta, giấu rằng khôn khéo cũng ra chồng người”*; không lấy hai chồng: *“Gái chính chuyên chẳng lấy hai chồng”*. Trong trường hợp góa bụa, họ vẫn thủy chung, thờ chồng nuôi con: *“Ghe bầu chở lái về đông, làm thân con gái thờ chồng nuôi con”*.

Bên cạnh đó, vợ chồng tôn trọng nhau cũng là một ứng xử đẹp: *“Tương kính như tân”*. Không những thế, vợ chồng còn bảo vệ danh dự cho nhau bởi: *“Xấu chàng hổ ai”*; *“Xấu thiếp hổ chàng”*. Đối với người vợ, thái độ kính trọng, lễ phép với chồng được xem là tất yếu: *“Con ông đồ đốc, quận*

công, lấy chồng cũng phải gọi chồng bằng anh”.

Vợ chồng giáo dục lẫn nhau: *“Gái ngoan giết chó khuyên chồng, giai khôn mài dao dạy vợ”* bằng hai cách thức: một dịu dàng, mềm mỏng; một mạnh mẽ, quyết đoán. Hành vi giáo dục vợ của người chồng được đề cập rõ hơn ở 5 câu khác với hàm ý khen của dân gian: Vd. *“Vợ con dạy ở trong của trong nhà”*. Đối với người chồng, việc giáo dục vợ không dừng ở khuyên răn, bảo ban mà phải là “dạy”.

Yêu thương và ý thức hi sinh hầu như chỉ xuất hiện trong ứng xử của vợ với chồng (17 câu, chiếm gần 39% trong các ứng xử tích cực). Vợ chăm sóc, chiều chuộng chồng (6 câu): Vd. *“Nâng khăn sửa túi”*; chịu đựng, nín nhịn để bảo vệ cuộc sống gia đình: *“Có con phải khổ vì con, có chồng phải ngậm bồ hòn đắng cay”*. Vợ gánh trách nhiệm nợ nần cho chồng: *“Chồng nợ vợ phải trả”*; tình nguyện gánh vác khó khăn trong việc nhà hay công việc xã hội (5 câu): Vd. *“Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng”*; *“Thương chồng nên phải gắng công, nào ai xương sắt, da đồng chi đây”*. Không những thế, vợ còn rộng lượng, bao dung với chồng (3 câu): Vd. *“Thương chồng phải bỏ con ghẻ”*.

Có một số lượng không nhỏ các câu tục ngữ đề cập đến vấn đề lựa chọn vợ (10 câu) hay lựa chọn chồng (9 câu) mà chúng tôi không xếp vào nội dung ứng xử tích cực hay tiêu cực. Đó đơn thuần là những kinh nghiệm của dân gian để chọn được đối tượng tiềm năng để mang lại cuộc hôn nhân tốt đẹp.

Như vậy, trong ứng xử vợ - chồng, nội dung phản ánh của ứng xử giữa vợ với chồng phong phú và được dân gian quan tâm ở nhiều góc độ, khía cạnh hơn với 58 câu (so với 14 câu phản ánh ứng xử của chồng với vợ) gồm 32 câu nói về ứng xử tích cực và 26

câu nói về ứng xử tiêu cực. Điều này có lẽ được giải thích bởi chế độ phụ quyền, trong đó, người phụ nữ luôn nằm trong vòng phản xét, lệ thuộc vào chồng và gia đình chồng. Phương diện ứng xử tích cực, đáng khen của người phụ nữ với chồng được phản ánh nhiều hơn phương diện còn lại, với cách thức ứng xử nhiều nhất là yêu thương, chăm sóc và hi sinh cho chồng. Điều này trái ngược hoàn toàn với cách thức ứng xử chủ yếu được phản ánh của chồng là nạt nộ, áp bức vợ. Bên cạnh đó, ý thức chung thủy, sắt son với vợ gần như không được đề cập đến trong cách thức ứng xử của người đàn ông thì điều này lại được đề cập đến trong 9 câu tục ngữ về ứng xử với chồng của phụ nữ. Chê chồng và lăng lơ là hành vi ứng xử đáng chê trách nhất của người phụ nữ; tuy nhiên, nhìn tổng thể điểm nổi bật nhất của người phụ nữ Việt vẫn là tình yêu thương, đức hi sinh và tấm lòng chung thủy với chồng.

2.2. Ứng xử trong quan hệ cha mẹ - con cái

Nếu không xét đến những gia đình có mẹ kế, bố dượng, thì chúng ta có thể thấy trong gia đình người Việt, mối quan hệ cha mẹ - con cái bao gồm mối quan hệ cha mẹ - con đẻ và mối quan hệ cha mẹ - con dâu, con rể.

Về mối quan hệ cha mẹ - con đẻ: Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi ghi nhận được 34 câu nói về những ứng xử tiêu cực, trong tổng số 113 câu nói về ứng xử cha mẹ - con cái. Đây là số lượng khá khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 30%, so với 70% số lượng câu nói về ứng xử tích cực trong mối quan hệ này.

Về phía cha mẹ, đó là hành vi nạt nộ, đối xử bất công với con (6 câu): Vd. “*Con mần bẻ cái thổng í ống cả làng, mẹ mần bẻ cái ang cả làng vắng về*”; “*Yêu con đở, bỏ con đen*”. Mẹ ích kỉ, ruồng bỏ con, độc ác với con (5 câu): Vd. “*Con ăn một mẹ ăn hai*”;

“*Chó cái trốn con*”; “*Chó cái ăn con*”. Sự thiên vị của cha mẹ dành cho con đôi khi là nguyên nhân gây ra những ứng xử tiêu cực như quý con mà bạc đãi cháu: “*Con cậu cậu nuôi thầy cho, cháu cậu cậu bắt chẵn bò chẵn trâu*” hay quý con mà bạc đãi cha mẹ già: “*Có cha bẻ đùi gà cho con*”. Tình yêu thương tuyệt đối đôi khi cũng đến mức độ mù quáng, gần với sự ích kỉ (2 câu): Vd. “*Con người ỉa đầu đường thì thối, con mình ỉa đầu gối thì không*”.

Về phía con cái, những ứng xử tiêu cực với cha mẹ biểu hiện ở một số điểm như sau: Con phá hoại thành quả của cha mẹ, đi ngược lại với tâm nguyện, định hướng của cha mẹ (6 câu): Vd. “*Cha bòn con phá*”; “*Cha làm thầy, con bán sách*”. Con lợi dụng cha mẹ để bòn rút, làm lợi cho cá nhân (3 câu): Vd. “*Muốn cho gần mẹ gần cha, khi vào thúng thóc, khi ra quan tiền*”. Con vô lễ với cha mẹ (3 câu): Vd. “*Cha trở ra trở vào, con ngồi cao gọi với*” hay cư xử giả tạo, bạc bẽo: (2 câu): Vd. “*Sống thì chẳng cho ăn nào, chết thì cúng giỗ mâm cao cỗ đầy*”.

Tuy nhiên, bên cạnh những ứng xử tiêu cực đã nêu, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái ruột được dân gian phản ánh là mối quan hệ tốt đẹp với những ứng xử tích cực, đáng ngợi ca là chủ yếu (với 79 đơn vị thành ngữ, tục ngữ, chiếm 70%).

Yêu thương và hi sinh cho nhau chính là ứng xử tích cực nổi bật trong mối quan hệ cha mẹ - con đẻ. Trong đó, lòng yêu thương và sự hy sinh của cha mẹ dành cho con được thể hiện ở nhiều góc độ. Cha mẹ thương xót, không nỡ làm tổn thương con (10 câu): Vd. “*Con vua tốt vua dẫu, con tôi xấu tôi yêu*”; “*Chém con đàng sống, không ai chém con đàng lười*”; luôn lo lắng, mong mỏi những điều lành đến với con (4 câu): “*Cha muốn cho con hay, thầy muốn cho trò khá*”; “*Con tài lo láo lo kiêu, con ngu thì lại lo sao kịp*”.

người”. Cha mẹ chăm sóc, hi sinh thời gian, công sức, chủ động giành phần thiệt thòi về mình, trao tất cả những điều tốt đẹp nhất cho con (15 câu): Vd. *“Chỗ ướt mẹ nằm, ráo xé con lại”*.

Con cái cũng yêu thương, hi sinh cho cha mẹ, dù ở khía cạnh ứng xử này, cha mẹ dành cho con gấp bội phần. Con không bao giờ chê cha mẹ nghèo (2 câu): *“Con không chê cha mẹ khó, chó chẳng chê chủ nghèo”*. Con luôn có ý thức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già (3 câu): *“Phụ mẫu còn bất khả viễn du”*. Con nhường nhịn, gánh vác khó khăn cho cha (3 câu): *“Cha gánh lon, con gánh vại”*.

Bên cạnh yêu thương, con cái luôn kính trọng và biết ơn cha mẹ (6 câu). Vd. *“Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng rai”*; *“Con giàu một bó, con khó một nén”*; cha mẹ có nghĩa vụ giáo dục con thành người. Về hành vi giáo dục con, dân gian nhấn mạnh việc giáo dục con trẻ cần thiết được tiến hành từ khi còn nhỏ (2 câu): Vd. *“Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về”*. Dân gian ủng hộ việc giáo dục nghiêm khắc bằng roi vọt (5 câu): Vd. *“Yêu con cho vọt vào lưng”*. Bên cạnh đó, dân gian cũng khuyên việc dạy dỗ con cái cần sự tế nhị: *“Đóng cửa trong nhà dạy con”*. Cha mẹ chịu trách nhiệm chính trước những thiếu hụt trong nhân cách của con (7 câu): Vd. *“Con hư bởi tại cha dong”, “Con dại cái mang”*.

Trong phản ánh quan hệ ứng xử cha mẹ - con cái, số lượng đơn vị thành ngữ, tục ngữ nói về ứng xử của con cái với cha mẹ ít hơn rất nhiều (chỉ bằng gần một phần ba) so với số lượng các câu nói về ứng xử của cha mẹ với con (31 câu so với 82 câu). Số lượng câu nói về ứng xử tích cực của cha mẹ với con cái khoảng gấp ba lần số lượng câu phản ánh ứng xử tiêu cực (62 câu so với 20 câu); trong

khi đó, số lượng câu phản ánh ứng xử tích cực và tiêu cực trong ứng xử của con với cha mẹ lại gần tương đương (17 câu so với 14 câu), chưa kể đến việc dân gian đã đưa ra 4 câu khẳng định việc con cái không bao giờ nuôi được cha mẹ như cha mẹ đối với mình. Điều này cho thấy, yêu thương, hi sinh cho con là tâm lí, hành vi chủ yếu và gần như là tất yếu của cha mẹ. Theo chúng tôi, cha và mẹ chia đều trách nhiệm trong việc giáo dục con cái hay trong việc con cái hư hỏng chứ dân gian không chỉ quy trách nhiệm cho người mẹ như một số tài liệu đã nói.

Ứng xử trong quan hệ cha mẹ - con dâu, con rể

Nhìn chung, đây là mối quan hệ thường được coi là không mấy tốt đẹp, chứa nhiều mâu thuẫn hoặc lạnh nhạt; đặc biệt là mâu thuẫn triền miên giữa mẹ chồng và con dâu được phản ánh trong 26 câu. Họ không ưa gì nhau, thường xuyên chê bai, nói xấu nhau thậm chí đối xử giả tạo với nhau (7 câu): Vd. *“Mẹ chồng không ai nói tốt nàng dâu, nàng dâu đâu có nói tốt mẹ chồng”*. Con dâu không chăm sóc mà vô lễ, đối xử tệ bạc với mẹ chồng (7 câu): *“Mẹ chồng nói một, nàng dâu đối mười”*. Ngược lại, mẹ chồng đối xử ghẻ lạnh, soi mói, áp bức con dâu (5 câu): *“Trời mưa ướt lá đài bi, con mẹ, mẹ xót thương gì con dâu”*...

Con rể có thái độ ứng xử lạnh nhạt với gia đình nhà vợ, thậm chí coi khinh bố mẹ vợ (5 câu): *“Bố vợ là vợ quai chèo, mẹ vợ là bèo trôi sông”*; *“Buồn tênh cháu rể khóc đưa bà, một tiếng khóc là ba tiếng à”*...

2.3. Ứng xử trong quan hệ anh chị - em

Trong quan hệ ứng xử anh chị - em, thành ngữ, tục ngữ chủ yếu phản ánh mối quan hệ ứng xử giữa anh em chị em ruột và một số

lượng nhỏ là mối quan hệ chị em dâu, anh chị em chồng, anh em rể.

Về ứng xử giữa anh chị em ruột, số lượng đơn vị thành ngữ, tục ngữ đề cập đến ứng xử tích cực và ứng xử tiêu cực gần như tương đương nhau (21 câu so với 23 câu). Những biểu hiện tiêu cực trong mối quan hệ này thường tập trung vào những thái độ ứng xử không tình nghĩa, không quan tâm lẫn nhau mà nặng về toan tính cá nhân. Cụ thể hơn là thái độ coi trọng tiền bạc hơn anh em; hành vi đấu đá, hại nhau (9 câu): Vd. “*Khôn ngoan đối đáp người trong, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*” hay “*Đồng tiền liền với, anh em vứt ra ngoài*”. Anh chị em thờ ơ, xa lánh nhau (5 câu): Vd. “*Áo rách thì để thịt ra, chị gần không hỏi, em xa không chào*”; thậm chí đối xử với nhau bằng thái độ vô cảm: “*Tưởng rằng chị ngã em nâng, ai hay chị ngã em bưng miệng cười*”. Anh chị em bắt chẹt nhau (4 câu): Vd. “*Chị em nắm nem ba đồng, muốn ăn thì trả sáu đồng mà ăn*”; hay đối xử vụ lợi: Vd. “*Anh em xem mặt cho vay*”.

Trong ứng xử tích cực, dân gian ca ngợi những hành vi giúp đỡ, tương trợ nhau (8 câu): Vd. “*Cành dưới đỡ cành trên*”; hòa thuận, có trên có dưới và nhường nhịn nhau (7 câu): Vd. “*Anh em như thể tay chân, anh em hòa thuận hai thân vui vầy*”; yêu thương, quan tâm lẫn nhau, dù thế nào cũng không hại nhau (6 câu): Vd. “*Chị em ta đồng quà tấm bánh, chị em người đòn gánh gót chân*”; “*Anh em chém nhau bằng sống, ai chém nhau bằng lưỡi*”.

Như vậy, trong ứng xử giữa anh chị em ruột, dân gian khẳng định hòa thuận là chìa khóa để giữ vững tình máu mủ và trật tự gia đình. Trong trách nhiệm đối với em, anh thiên về trách nhiệm mang tính lí trí, có thể thay thế cha còn chị thiên về tình cảm, che chở cho em. Tuy nhiên, anh được coi trọng

hơn chị; điều này góp phần khẳng định tính chất phụ quyền trong gia đình người Việt. Về biểu hiện tiêu cực, đáng chú ý nhất là việc vật chất chi phối, làm biến dạng mối quan hệ này. Có lẽ bởi vậy, dân gian đã đưa ra một thái độ ứng xử tương đối dứt khoát, sòng phẳng quan hệ anh chị - em trong một câu tục ngữ: “*Người dung có ngãi thì dãi người dung, chị em vô ngãi thì đừng chị em*”.

Mối quan hệ chị em dâu, chị em chồng hay anh em rể không những không bền chặt mà luôn mâu thuẫn, bất hòa, trong đó các đối tượng có những hành vi ứng xử tiêu cực với nhau. Ứng xử giữa em chồng – chị dâu được phản ánh trong 3 câu tục ngữ với hành vi chính là nói xấu nhau, cư xử tàn nhẫn, bất công với nhau: “*Em chồng ở với chị dâu, coi chừng kéo nó giết nhau có ngày*”; “*Chị dâu làm dâu ra đấy, em chồng ăn bậy nói sau lưng*”; “*Chị dâu lợi sông, em chồng đi máng*”. Ứng xử giữa chị em dâu chủ yếu là sự thiếu tin cậy, e ngại lẫn nhau (5 câu) như: “*Yêu nhau chị em gái, rái nhau chị em dâu*”; “*Chị em dâu nói trâu thành bò*”... Ứng xử giữa anh em rể được phản ánh chủ yếu ở khía cạnh mâu thuẫn, cạnh tranh (3 câu): Vd. “*Đánh nhau võ đầu là anh em rể*”.

2.4. Ứng xử trong quan hệ với chú bác, cậu mợ, cô dì

Quan hệ với chú bác, cô dì, cậu mợ là quan hệ hết sức gần gũi với người Việt, bởi đây là nơi nhờ cậy lúc khó khăn hay mất cha, mất mẹ (11 câu): Vd. “*Có cha nhờ cha, không cha nhờ chú*”; “*Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì*”. Thông thường, ứng xử lễ phép, tôn trọng vẫn được đề cao, tuy nhiên, khi có xích mích, mâu thuẫn, vẫn tồn tại những ứng xử thẳng thắn, không nề nang nhau: Vd. “*Chú chửi cha tôi, tôi tha gì chú*”; “*Chú đánh cha tôi, tôi tha gì chú*”.

Tục ngữ cũng phản ánh việc tang chế đối với chồng cô, vợ cậu, chồng dì trong 3 câu: Vd. “*Chồng cô, vợ cậu, chồng dì, trong ba người ấy chết thì không tang*”; hay mối quan hệ với thím gần gũi hơn với mẹ: “*Cậu chết mẹ ra người đứng, chú tôi có chết, thím đứng lấy ai*”. Rõ ràng, bên nội vẫn được người Việt coi trọng hơn bên ngoại.

3. Qua khảo sát nguồn ngữ liệu, có thể nhận thấy dân gian dành nhiều sự quan tâm nhất đến việc phản ánh, khuyên bảo, khuyên cáo về ứng xử giữa cha mẹ - con cái, sau đó là ứng xử vợ - chồng, ứng xử anh chị em ruột và các ứng xử khác. Thêm vào đó, số lượng các đơn vị thành ngữ, tục ngữ đề cập đến ứng xử tích cực nhiều hơn số lượng các đơn vị đề cập đến ứng xử tiêu cực. Điều này cho thấy người Việt sớm coi trọng các mối quan hệ trong gia đình hạt nhân và đề cao vai trò của việc xây dựng gia đình hạt nhân hòa thuận, êm ấm, trên nguyên tắc chủ yếu là đề cao và khuyên răn hơn là chỉ trích. Những hành vi ứng xử trong gia đình được dân gian “ưu tiên” khen và đánh giá cao chủ yếu là ứng xử hòa thuận, yêu thương, giúp đỡ nhau giữa các thành viên.

Một điểm khác dễ nhận thấy là người Việt coi trọng tôn ti trật tự, bởi vậy những ứng xử giữa các thành viên tương ứng với vị trí, thứ bậc của họ trong gia đình. Do vậy, ứng xử “*trên kính dưới nhường*” trong mọi mối quan hệ gia đình được người Việt đề cao.

Bên cạnh đó, tính chất phụ quyền, quan niệm trọng nam khinh nữ, trọng bên nội hơn bên ngoại được thể hiện khá rõ trong ứng xử gia đình của người Việt, đặc biệt trong quan hệ chồng - vợ; một phần trong quan hệ anh - em so sánh với quan hệ chị - em hay trong quan hệ họ hàng.

Những ứng xử được dân gian đánh giá cao trên từ lâu đã trở thành đạo lý dân tộc, những mô hình ứng xử đẹp được xây dựng trong thành ngữ, tục ngữ. Theo đó, những ứng xử tiêu cực chính là những biểu hiện không tình nghĩa như mâu thuẫn, ghen ghét, đố kỵ, hại nhau...

Trong số 355 đơn vị thành ngữ, tục ngữ của người Việt có nội dung về ứng xử gia đình được thu thập, có 180 đơn vị (51%), được dân gian gửi gắm bài học, lời khuyên, nêu những chuẩn mực về ứng xử mà con người cần hướng tới. Điều này phù hợp với đặc trưng của thành ngữ, tục ngữ, đặc biệt là tục ngữ với nội dung chủ yếu là tổng kết kinh nghiệm thành những bài học chung, đưa ra những mô hình ứng xử để người đời học theo, hay nên tránh trong cuộc sống. Tính chất cảnh báo và định hướng thể hiện rất rõ trong những đơn vị thành ngữ, tục ngữ này. Ai mà chẳng có gia đình, vì thế phải chăng trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, vai trò giáo dục này khiến các thành ngữ tục ngữ về ứng xử này rất cần cho nhiều người đọc, và phải vừa đọc vừa suy ngẫm.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thúy Anh (2009), *Ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt châu thổ Bắc Bộ qua ca dao, tục ngữ*, Nxb Văn hóa thông tin.
2. Nguyễn Xuân Kính (ch.b), Phan Lan Hương (2009), *Tục ngữ*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Phạm Việt Long (2010), *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-10-2012)